

CÔNG TY TNHH KD PHÂN BÓN PHÚC ĐẠT HN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KD PHÂN BÓN PHÚC ĐẠT HN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUC DAT HN KD FERTILIZER
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110788418

3. Ngày thành lập: 18/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 22, Ngõ 4 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0949240500

Fax:

Email: phucdatncompany@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng rau sạch, đậu sạch, củ sạch, quả sạch các loại và trồng hoa cây cảnh	0118
2.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm Chi tiết: Trồng cây gia vị sạch, cây dược liệu sạch các loại	0128
3.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm Chi tiết: Chọn tạo, sản xuất và chăm sóc các loại giống cây trồng nông nghiệp hàng năm	0131
4.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm Chi tiết: Chọn tạo, sản xuất và chăm sóc các loại giống cây trồng lâm nghiệp lâu năm	0132
5.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
6.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
7.	Khai thác và thu gom than non	0520
8.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
9.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
10.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
11.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020(Chính)
12.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến và bảo quản rau sạch, đậu sạch, củ sạch, quả sạch các loại	1030
13.	Sản xuất sợi	1311
14.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
15.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313

16.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
17.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
18.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
19.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
20.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
21.	Sản xuất than cốc	1910
22.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế Chi tiết: Sản xuất than bánh từ than non, than cốc	1920
23.	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất than củi từ các loại cây, gỗ (trừ hoạt động đốt than thủ công trong rừng)	2011
24.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
25.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	2021
26.	Sản xuất điện (Trừ các loại Nhà nước cấm)	3511
27.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Hoạt động truyền tải điện (Trừ hoạt động truyền tải điện mạng lưới điện Quốc gia) - Đơn vị phân phối và bán lẻ điện	3512
28.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
29.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
30.	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: Thu gom rác thải độc hại khác (thiết bị điện tử)	3812
31.	Tái chế phế liệu Chi tiết: tái chế phế liệu kim loại (tách vàng từ rác thải điện tử)	3830
32.	Xây dựng nhà để ở	4101
33.	Xây dựng nhà không để ở	4102
34.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp	4299
35.	Phá dỡ	4311
36.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò phá bom mìn)	4312
37.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
38.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

39.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm, trừ đấu giá)	4610
40.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thóc, lúa mỳ, ngô, hạt ngũ cốc khác; - Bán buôn hạt, quả có dầu; - Bán buôn hoa và cây; - Bán buôn thuốc lá lá; - Bán buôn động vật sống; - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác, phế liệu, phế thải và sản phẩm phụ được sử dụng cho chăn nuôi động vật.	4620
41.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
42.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn rau sạch, đậu sạch, củ sạch, quả sạch các loại và các loại thực phẩm sạch khác	4632
43.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
44.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác	4661
45.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
46.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán thuốc bảo vệ thực vật	4669
47.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
48.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
49.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ rau sạch, đậu sạch, củ sạch, quả sạch các loại và các loại thực phẩm sạch khác	4722
50.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống không có cồn	4723
51.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
52.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ phân bón sử dụng trong nông nghiệp; bán lẻ thuốc bảo vệ thực vật; bán lẻ thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác kể cả dùng làm giống; bán lẻ các loại hoa và cây trồng, kể cả cây trồng và các loại dùng để làm giống; bán lẻ các loại nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4773

53.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác. - Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ.	4933
54.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
55.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kho ngoại quan)	5210
56.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
57.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5610
58.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
59.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Dịch vụ ăn uống dinh dưỡng theo chế độ bệnh lý và chế độ ăn kiêng	5629
60.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Dịch vụ phục vụ đồ uống bổ dưỡng, đồ uống cho người ăn kiêng; dịch vụ phục vụ đồ uống có cồn và đồ uống không có cồn	5630
61.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: -Kinh doanh bất động sản	6810
62.	Quảng cáo (Trừ các loại Nhà nước cấm)	7310
63.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động tư vấn chứng khoán, Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	7490
64.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
65.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh; Trừ hợp báo)	8230

